

Thủ Dầu Một cuối thế kỷ XIX qua ghi chép của bác sĩ J. C. Baurac

Huỳnh Ngọc Đáng(*)

Baurac là bác sĩ y khoa hạng nhất chuyên môn sâu về bệnh lao, một trong những nan y tứ chứng đương thời. Ông đã có gần 10 năm lênh đênh trên thuyền ca nô đi khảo sát dịch tễ khắp các địa phương miền Tây Nam Kỳ. Về chuyên môn dịch tễ, Baurac được cả đồng nghiệp và chính quyền thực dân đánh giá cao nhưng ông còn nổi tiếng về các tác phẩm du ký của mình, tiêu biểu là công trình 2 tập *La Cochinchine et ses habitants* (Đất và người Nam Kỳ)¹. Tập 1: xuất bản năm 1894, gần 400 trang in, viết về các địa phương miền Tây² như Bến Tre, Trà Vinh, Vĩnh Long, Sa Đéc, Long Xuyên, Rạch Giá... Hà Tiên và Phú Quốc³. Tập 2: xuất bản năm 1899, gần 350 trang in, viết về các địa phương miền Đông như Mỹ Tho, Gò Công, Tân An, chợ Lớn, Gia Định, Biên Hòa, Tây Ninh, Thủ Dầu Một, Bà Rịa, Cap-Saint Jacques (Vũng Tàu), Ile Poulo Condor (Côn Đảo)⁴. Trong 2 tập sách có kèm theo gần 300 bức ảnh hoặc tranh vẽ về phong cảnh đất và người của các địa phương. Đây là một công trình nghiên cứu rất có giá trị, nhất là về lịch sử vùng đất và con người Nam Bộ. Có thể nói 2 tập du khảo của Baurac là tập đại thành của mấy chục tiểu địa phương chí của xứ Nam Kỳ.

Trong tập 2 viết về các địa phương miền Đông, có 40 trang in (từ trang 160 đến trang 200) chuyên về arrondissement Thủ Dầu Một, ông đã ghi chép khá chi tiết về các địa điểm nổi tiếng đương thời ở địa phương như các chợ Thủ Dầu Một, Lái Thiêu, Búng, Thị Tính, Bến Cát... Đặc biệt ông dành nhiều trang viết về người dân tộc vùng Hớn Quản.

Bài viết này sẽ lần lượt dịch và giới thiệu các mục ghi chép của Baurac về vùng đất Thủ Dầu Một. Ở những chỗ cần thiết, tác giả bài viết sẽ có những đoạn giải thích hoặc phân tích thêm về các nội dung được ghi chép.

¹(*) Tiến sĩ, Hội Khoa học Lịch sử Bình Dương. Email: huynhngocdang@gmail.com

Dr. J. C. Baurac, *La Cochinchine et ses habitants (Provinces de l'Ouest)*. Saigon Imprimerie Commercial Rey, 1894 và *La Cochinchine et ses habitants (Provinces de l'Est)*. Saigon Imprimerie Commercial Rey, 1899.

² Lúc đó còn gọi là các arrondissement (Hạt, khu vực hành chánh), phải đến ngày 1/1/1900 mới chính thức trở thành các tỉnh (Province)

³ Ở phần đầu tập 1 có 8 chương thuộc phần thứ nhất nghiên cứu công phu về các đặc điểm địa lý tự nhiên, nhân văn, các thiết chế kinh tế, xã hội, phong tục, tập quán... của đất và người trên vùng đất Nam Kỳ.

⁴ Vốn là một chuyên gia dịch tễ nên ngay trong 2 tập du ký của mình, ông đã có nhiều trang viết về dịch bệnh, về vacin ngừa bệnh ở Nam Kỳ và các loại cây lá mà người Việt Nam đã dùng làm thuốc chữa trị các bệnh tật nguy hiểm.

Thủ Dầu Một

Hạt hành chánh⁵ Thủ Dầu Một (ly sở là làng Phú-cường) hình thành từ lãnh thổ của huyện cũ của Bình-an. Nó bị giới hạn: về phía Bắc, giáp biên giới Campuchia; đông giáp Biên Hòa, phía Nam, giáp hạt Gia Định, phía Tây giáp hạt Tây Ninh. Không lâu sau khi Biên Hòa bị Đô đốc Bonard đánh chiếm (tháng 12 năm 1861), Thủ Dầu Một được thành lập là một khu vực hành chánh, dưới sự chỉ đạo của một Thanh tra về các vấn đề bản xứ. Lãnh thổ của nó sau đó được sáp nhập với Biên Hòa (tháng 1 năm 1888) và lại được tách ra, tiếp tục độc lập vào ngày 27 tháng 12 năm 1892. Thủ Dầu Một có chiều dài khoảng 100 km, chiều rộng thay đổi từ 20 đến 30 km và vị trí nghiêng theo hướng từ Tây Nam sang Đông Bắc. Tổng diện tích đất canh tác là 11.804 ha 47 ares.

Phần phía tây nam của địa phương, giống như hầu hết các cánh đồng lúa của Hạ Nam Kỳ, được tạo thành từ các địa hình phù sa; đi lên hướng đông bắc, địa hình cao dần và có nhiều đất sét hơn. Tuy nhiên, chúng tôi tìm thấy ở trung tâm, nơi trước đây là những khu rừng đã bị phá hủy, một số khu vực có cấu tạo silic.

Ở phía Bắc, có một dãy núi nhỏ gọi là Lấp Vò, có khung đá granit màu xanh biểu thị một vùng đất cao dần.

Ngoài các mỏ cao lanh để cung cấp cho mười một lò gốm, người ta còn gặp một số mỏ đá Biên Hòa⁶ (chứa nhiều sét pha trộn sắt) và một số lớp đất sét phù hợp để làm gạch hoặc ngói.

Xa hơn về phía bắc, trên biên giới Campuchia, có một số mỏ sắt. Nhưng sự giàu có chính của Thủ Dầu Một là những cánh rừng của nó, rất đẹp, ở phía đông và bắc.

Hai con sông giới hạn lãnh thổ của Thủ Dầu Một: Ở phía Bắc và phía Đông, là sông Bé dài khoảng 100 km. Ở miền Nam và miền Tây, là sông Sài Gòn, chảy theo một vành cung gần 200 cây số. Sông Thị Tính, nguồn từ vùng đất cao so với chung quanh, tại Cai-yên⁷ chảy vào sông Sài Gòn; dài khoảng 60 km. Các nhánh của nó là: rạch Cày-bôn, soui Nôi và soui Bông⁸.

Thủ Dầu Một còn được chia cắt bởi những con rạch nhỏ như: rạch Bà-lụa, rạch Trầu, ông-màn, Cau, Dưa⁹.

⁵ Nguyên văn là arrondissement (khu vực hành chánh). Lúc này (1899) Thủ Dầu Một chưa là một tỉnh (province)

⁶ Đá Biên Hòa là tên loại đá có độ xốp, mềm, dễ khai thác, dễ cắt thành khuôn theo các mẫu, người dân thường khai thác làm trụ các mộ má. Loại đá này sau khi khai thác để lộ thiên một thời gian thì trở nên cứng chắc lại có hình lỗ chỗ như tổ ong nên dân chúng thường gọi đó là đá Ong.

⁷ Chưa rõ là vùng nào, có thể là Lai Uyên chăng. Những địa danh nào không biết chắc, sẽ được giữ nguyên văn như bản in của Baurac chờ tra cứu sau

⁸ Chưa rõ là gì, có thể đó là rạch Cây Buông, suối Nôi và suối Bông ?

⁹ Chưa rõ tên, có thể là rạch ông Đành, rạch Cau, rạch Dừa ?

Luồng hoặc suối rất nhiều, đặc biệt là trong vùng người "Mọi"¹⁰ và trong vùng núi Lấp Vò.

Thủ Dầu Một có nhiều đường bộ và được bảo trì rất tốt; chúng tôi sẽ chỉ đề cập đến những tuyến chính: tuyến Thủ Dầu Một-Sài Gòn, đến Bình Lợi, đi qua Búng và Lái-thieu; đường đi Thị Tính, đi ngang qua Bến Cát; đường đi Tương-hiệp; cuối cùng, con đường Kra-tié, đi đến Campuchia, băng qua vùng Mọi, qua Chơn Thành và Hớn Quản; và đường đi Biên Hòa.

Các ngành trồng trọt đa dạng nhất đã được thử nghiệm trên đất đai của Thủ Dầu Một và đã thu được những kết quả tuyệt vời trên cây lúa, đậu phộng, thuốc lá, mía, chè, đậu, ngô, dưa chuột, dưa hấu, trà và tất cả các loại cây trồng họ rau, cho thấy chất lượng đất khá tốt. Các loại cây phẩm chàm, phẩm màu đất tiền, cây hạt tiêu đã được du nhập đến đây một cách đáng ngưỡng mộ và một thử nghiệm trồng cây đay tại Hớn Quản đã hoàn toàn thành công vào năm 1893; một thử nghiệm mới, được thực hiện vào năm 1895, đã cho một vụ mùa bội thu.

Một số đồn điền cà phê Liberia, ca cao và vani đã được triển khai trồng trọt và cho sản phẩm tốt.

Thủ Dầu Một là một trong những địa phương nổi tiếng nhờ sự đa dạng và số lượng nhiều loại trái cây được thu hoạch; xoài, măng cụt, dưa, dứa, chuối, vải thiều, cam, quýt, bưởi, chanh, mít, hạt cau, v.v., v.v., có rất nhiều ở các chợ lớn nhỏ.

Nghề trồng dâu nuôi tằm không quan trọng lắm; tuy nhiên, có một tá các nhà máy tơ lụa đã cho ra các mẫu sản phẩm khá tốt, từng trưng bày trong cuộc thi nông nghiệp khu vực ngày 26 tháng 5 năm 1895.

Hệ động vật của Thủ Dầu Một rất phong phú và có thể làm say mê các thợ săn. Có khá nhiều voi, tê giác, trâu rừng, bò rừng, hổ, báo đốm, báo, gấu đen, cáo, lợn rừng, hươu, nai các loại, thỏ rừng, v.v.

Chim chóc có nhiều loại; có thể kể ra đây nhiều con công, chim trĩ, gà mái, vịt đuôi dài, chim chơi chơi, chim bồ câu rừng, chim đen, chim mỏ sừng, chim ung, gà mái, chim sẻ, chim cú, vv, v.v.

Khi có nhiều và đầy đủ đại diện bởi một số lượng lớn các loài.

Chúng tôi cũng tìm thấy con tê tê, kẻ hủy diệt tuyệt vời của kiến, nhím, một số loài rùa đất và rùa nước, con lười, một số con sóc hoặc chuột cau cọ.

Trong gia đình bò sát, tìm thấy có rắn hổ mang hoặc rắn mắt kính, rắn san hô, trăn, cả trăn Nam Mỹ và một số loài rắn nước. Có các loại kỳ đà, tắc kè...phải được bảo vệ, bởi vì chúng gây sự khủng khiếp cho các loại côn trùng phá hoại mùa màng.

¹⁰ "Mọi" là tên gọi mà người Việt trước đây đã dùng chỉ chung các sã dân thiểu số Tây Nguyên và Nam Tây Nguyên. Khi người Pháp đến Nam Kỳ, họ vẫn giữ cách gọi này chỉ chung đồng bào dân tộc phía Bắc Thủ Dầu Một.

Về các loài lưỡng cư, ở Thủ Dầu Một có đủ các đại diện của các loài ếch, nhái và cóc. Có vô số các loài côn trùng như ong, kiến, mối, các loại bọ, chấy và nhất là muỗi v.v.cùng với đó là bọ cạp, cuốn chiếu và, các loài khác nhau của nhện.

Có rất nhiều cá, trong đó phổ biến và quý nhất đối với người bản địa là cá lóc, cá trê, cá rô...Ngoài ra còn có nhiều tôm, tép, cua...ở hai con sông. Đánh bắt cá khá khó khăn, bởi vì độ sâu của các con sông và thiếu thốn phương tiện nên người An Nam, hầu hết là cho thoát nước đầm lầy để bắt cá. Các phương thức đánh bắt cá chủ yếu của người bản địa là giăng câu và chài lưới được sử dụng rộng rãi.

Hệ thực vật rất đáng kể với nhiều loại hoa lan, dương xỉ, cây mè và cây có củ có mặt với số lượng lớn và rất đa dạng.

Các khu rừng ở phía bắc chứa các nhóm gỗ quý hiếm. Có thể kể đến cây trắc, gụ, cẩm lai và cẩm xe, thuộc nhóm đầu; cây gỗ và sao là hai loại gỗ tuyệt vời khá phổ biến để xây dựng các công trình, nhưng chất lượng kém hơn nhiều so với nhóm đầu. Ngoài ra còn có các loại dây mây và một loài cọ cung cấp sợi rất chắc chắn để đan lát. Mật ong, sáp, dầu và nhựa cũng được thu thập dồi dào trong các khu rừng của Thủ Dầu Một.

Các ngành công nghiệp bản địa không quan trọng lắm: ngoài một số nhà máy đường và một số lò rèn do người An Nam điều hành, có những lò gốm do người Hoa làm chủ. Đồ gốm của Lái Thiêu rất nổi tiếng, sản xuất các đồ vật trong thể loại gốm Cây Mai, Chợ Lớn, nhưng có cải tiến hơn. Có một số xưởng mộc và điêu khắc gỗ nơi có những người thợ An Nam tay nghề thành thạo.

Về thành phần dân tộc, Thủ Dầu Một có nhiều sắc dân. Chúng tôi tìm thấy, trên thực tế, có người An Nam, Trung Quốc, Mọi, Stieng, Ta moun, Campuchia, Lào.

Có thể nói, không có di tích nào đáng chú ý ở Thủ Dầu Một; tuy nhiên, đình Bà Lụa, nằm cách lỵ sở (Phủ Cường) 3 km, gần một con rạch nhỏ, đáng để ghé thăm. Chúng tôi cũng tìm thấy trên ngọn đồi, gần văn phòng thanh tra hành chánh, ngôi mộ của một người bản địa giàu có tên là Bá hộ Quới, có từ năm 1853; trên đường qua một nghĩa trang lớn, còn có ngôi mộ một vị tướng An Nam của vua Minh Mạng.

Đến đây, Baurac dừng lại tự bộc bạch rằng mình không hiểu biết nhiều về lịch sử vùng Thủ Dầu Một nên bổ khuyết bằng cách dẫn một đoạn trích từ trang 182, tập 2, cuốn *Cours d'histoire Annamite* (Giáo trình Lịch sử người An Nam) của Pétrus Ký, viết về sự kiện Lý Tài đưa quân về Thủ Dầu Một làm cuộc phé lập, ép chúa Phúc Thuần nhường ngôi, đưa Phúc Dương lên ngôi là Tân Chính Vương còn Lý Tài được phong làm Bảo giá đại tướng quân...Sau đó Baurac đi vào giới thiệu các đơn vị hành chánh của hạt Thủ Dầu Một.

...Hạt Thủ Dầu Một có 12 tổng (canton) 119 làng (village), có 10 chợ lớn nhỏ. 12 tổng là Bình Điền, Bình Chánh, Bình Thiện, Bình Thố, Bình Hưng, Bình Thạnh Thượng, Minh Ngãi, Cửu An, Quản Lợi, Lộc Ninh, Thanh An, Phước Lễ.

Danh sách các làng của 12 tổng theo hình chụp nguyên văn các trang sách (từ trang 165-167) của Baurac như sau:

— 165 —

Canton de Binh-chánh

Village de An-thạnh	Village de Hòa-thạnh
— Bình-đăng	— Hưng-dịnh
— Bình-đức	— Phú-hội
— Bình-giao	— Phú-long
— Bình-nhâm	— Tân-thời
— Bình-sơn	— Vĩnh-bình
— Bình-thuận	

Canton de Binh-diên

Village de An-nghiệp	Village de Phú-thọ
— Bình-diêm	— Phú-thuận
— Chánh-an	— Phú-văn
— Chánh-long	— Tân-long
— Chánh-thiện	— Tân-bình
— Phú-cường	— Tân-phước
— Phú-hữu	— Vĩnh-phước
— Phú-lợi	— Vĩnh-trường

Canton de Binh-thiện

Village de An-mỹ	Village de Phước-lộc
— Bình-chuẩn	— Tân-an
— Tân-hội	— Tuy-an
— Hóa-nhật	— Tân-khánh
— Khánh-vân	— Vĩnh-phú

Canton de Binh-thổ

Village de An-dịnh	Village de Phú-trung
— An-hòa	— Tương-an
— An-lợi	— Tương-bình
— An-phú	— Tương-hiệp
— Cầu-dinh	— Tương-hòa
— Định-phước	— Vĩnh-xương
— Hòa-mỹ	

Canton de Binh-hưng

Village de An-phước	Village de Long-chiều
— Chánh-lưu	— Long-hưng
— Hòa-thuận	— Lai-khê
— Long-bình	— Lệ-nguyên

— 166 —

Canton de Binh-hưng (Suite)

Village de Lai-uyên	Village de Phú-hưng
— Mỹ-thạnh	— Thạnh-hòa
— Ngãi-khê	

Canton de Binh-thạnh-thượng

Village de An-sơn	Village de Kiên-diên
— An-thành-tây	— Phú-thứ
— An-thuận	— Phú-thuận
— An-thành	— Thanh-diên
— Định-thành	— Thanh-an
— Kiên-an	— Thanh-tri

Canton de Minh-ngãi

Village de An-lộc	Village de Bình-tây
— Bình-ninh	— Cà-la-hơn
— Bình-phú	— Phú-lô
— Bình-quới	— Phú-miêng

Canton de Cửu-an

Village de Vô-dực	Village de Vô-tùng
-------------------	--------------------

Canton de Quận-lợi

Village de Đông-phát	Village de Lôi-sơn
— Đông-tựu	— Lộc-khê
— Hớn-quản	— Lương-mã
— Lâm-trang	— Vạn-hiền
— Lịch-lộc	— Xa-trạch

Canton de Thành-yên

Village de Nha-bích	Village de Việt-rôn
— Nha-uôi	— Xa-bem
— Vật-tuốt	

Canton de Lộc-ninh

Village de Mỹ-lộc	Village de Gia-lộc
— Lộc-ninh	— Mỹ-thạnh
— Lộc-hưng	— Xa-cau
— Thái-bình	— Bào-núi

— 167 —

Canton de Phước-lễ

Village de Bình-thành	Village de Xa-diup
— Xa-prum	— Xa-cay
— Xa-pech	— Xa-cuốt
— Xa-dập	— Xa-bréat
— Xa-seck	

Xem xét danh sách 119 làng cho thấy có khá nhiều tên làng là phiên âm từ ngữ của đồng bào dân tộc. Những tên làng loại này ngày nay gần như không còn ai biết và sử dụng nữa trừ một số địa danh như: Nha Bích, Nha Uôi, Phú Miên, Xa Trạch, Xa Cam (Baurac ghi là Xa-cau)...còn được một số người già địa phương sử dụng.

Các tên làng tiếng Việt thường là các mỹ từ âm Hán Việt cho thấy đa số xuất hiện trong giai đoạn triều Nguyễn gia tăng các hoạt động chinh phục vùng dân tộc thiểu số Tây Nguyên và Nam Tây Nguyên. Rất nhiều những địa danh trong nhóm này cũng không còn được sử dụng ngày nay.

Qua danh sách 119 làng của 12 tổng cho thấy đến lúc này (1899), thực dân Pháp đã hoàn toàn bình định được vùng Đông Nam bộ, cả vùng người kinh và dân thiểu số. Họ đã cơ bản thiết lập được bộ máy chính quyền làng, tổng¹¹. Tuy nhiên, cho đến lúc này, qua tài liệu của Baurac cho thấy chính quyền thuộc địa vẫn chưa hình thành cấp *đại lý hành chánh*¹², một cấp chính quyền tương đương với cấp huyện mà sau này người Việt thường quen miệng gọi là quận. Sau khi tỉnh (province, phân biệt với Arrondissement)) Thủ Dầu Một ra đời (1900), các Đại lý Bù Đốp, Hớn Quản đã hình thành, người Việt thường gọi là "quận". Còn về cấp huyện (hay quận), các tư liệu cho thấy, ở tỉnh Thủ Dầu Một, mãi tới năm 1916, Pháp mới cho lập quận đầu tiên của tỉnh là quận Tương An, quận lỵ ở làng Tương An (nay thuộc Tương Bình Hiệp), gồm 4 tổng người Kinh ở xa tỉnh lỵ. Còn các tổng gần tỉnh lỵ (như tổng Bình Điền nay là khu vực thành phố Thủ Dầu Một, tổng Bình Chánh nay là địa bàn thị xã Thuận An) thì không có cấp quận mà trực thuộc hành chính thẳng với Tòa bố tỉnh. Đến ngày 30/7/1926 quận Tương An bị giải thể, thành lập một lúc hai quận mới là Châu Thành và Bến Cát. Đến ngày 12/9/1932, Thống đốc Nam Kỳ ra Nghị định giải thể quận Châu Thành, đặt các tổng làm việc trực tiếp với Tòa bố tỉnh. Ngày 14/1/1935, giải thể quận Bến cát nhưng lại cho thành lập quận Lái Thiêu gồm một tổng là tổng Bình Chánh. Tuy nhiên chỉ một năm sau, ngày 24/3/1936, Thống

¹¹ Trong buổi đầu thời Pháp thuộc, ở Nam Kỳ, trong hệ thống hành chính địa phương, người Pháp chủ trương duy trì cấp *tổng* (Canton) dưới cấp *tỉnh* (Province), dưới tổng là các *làng* (Village). Không có cấp quận mà chỉ có các đơn vị hành chính có tên là *Đại lý hành chánh* (Délégation administrative) ở những địa bàn đặc biệt như các vùng dân tộc, biên giới...Tuy nhiên, chính sách trực trị này không đạt kết quả như mong muốn. Các ban hội tề ở các làng không sốt sắng hợp tác với công chức người Pháp mỗi lần xuống điều tra, thu thập thông tin cơ sở. Do vậy chính quyền Pháp phải cho lập cấp trung gian là cấp huyện nhưng thống nhất gọi là *quận*. Nhưng lúc đầu, cấp quận không được thành lập đại trà mà chỉ lập ở những khu vực thấy cần thiết.

¹² Tên lúc đầu của các Đại lý hành chánh là Délégation administrative. Về sau, khi đáp ứng yêu cầu thực tế, một số "quận" được thành lập ở một số nơi cần thiết, có hình thức và cơ cấu chức năng, quyền hạn như các đại lý hành chánh trước đây. Để chỉ thuật ngữ "quận" theo cách hiểu của người Việt, chính quyền Pháp đã dùng nhiều thuật ngữ tiếng Pháp khác nhau như Délégation administrative, Centre administratif, Poste administratif, Circonscription administrative...Cuối cùng họ dùng thuật ngữ Circonscription để chỉ các quận.

đốc Nam Kỳ đã ban hành Nghị định giải thể quận Lái Thiêu mà lập lại quận Châu Thành và quận Bến Cát; giữ nguyên quận Bù Đốp và Đại lý Hớn Quản. Đến ngày 22/12/1943, Thống đốc nam Kỳ lại ban hành Nghị định mới, tái thành lập quận Lái Thiêu gồm 2 tổng là Bình Chánh và Bình Thiện. Phân cấp hành chánh này giữ nguyên cho đến năm 1945 khi Cách mạng tháng Tám. Đương nhiên đến lúc này, số lượng và tên gọi các tổng, các làng của Thủ Dầu Một cũng đã có rất nhiều thay đổi.

Baurac tiếp tục những ghi chép về dân số Thủ Dầu Một;

Dân số của hạt Thủ Dầu Một, nếu chúng ta đã tham khảo số liệu thống kê chính thức, sẽ là 57.500 cư dân, phân loại như sau: người Pháp: 25. Người An nam: 55.600. Người Hoa: 400. Người Ấn Độ: 12. Người Mọi: 1.500 (?)

Điều tra dân số người Mọi là rất khó khăn, Vì họ sống theo tự nhiên trong rừng sâu và không phải lúc nào cũng dễ dàng vào nhà của họ; trong điều kiện như vậy, nên thận trọng khi đề cập đến các số liệu. Số liệu trên chỉ là số người Mọi ở hai tổng Lộc Ninh và Phước Lễ; những nơi khác, người Mọi sống trong rừng của họ, ngoài tầm kiểm soát.

Số liệu về dân cư Thủ Dầu Một mà Baurac ghi chép ở trên có vẻ không đáng tin cậy lắm mặc dù ông ta có cho biết rằng đã kiểm qua các số liệu thống kê chính thức của nhà nước. Mười năm trước đó, năm 1888, niên giám thống kê của Pháp cho biết số lượng dân cư hạt Thủ Dầu Một gồm: 14 người Pháp, 66.834 người Việt, 935 người Mọi, 380 người Hoa và 02 người Ấn¹³. Vì sao năm 1888, số người Việt ở Thủ Dầu Một đã là con số 66.834 người, hơn 10 năm sau, năm 1899, khi Baurac đến chỉ còn lại 55.600 người. Nếu tham khảo số liệu thống kê chính thức năm 1901, tức là chỉ sau lần Baurac đến Thủ Dầu Một 2 năm, dân cư ở Thủ Dầu Một gồm: 36 người châu Âu, 77.768 người Việt, 981 người Hoa¹⁴. Ta lại thấy số liệu của Baurac đưa ra càng có vẻ không đáng tin cậy, trước hết là số liệu dân số người Việt chỉ sau 2 năm đã tăng lên hơn 20.000 người. Cho nên, đúng như Baurac tự nhận, các số liệu mà ông ghi chép này chỉ có tính tham khảo mà thôi.

Baurac tiếp tục những ghi chép về danh sách 10 chợ lớn nhỏ của hạt Thủ Dầu Một đương thời:

10 chợ chi phối toàn hạt Thủ Dầu Một là:

Số thứ tự	Tên chợ	Thuộc tổng
1	Thủ Dầu Một	Bình Điền
2	Búng	Bình Chánh
3	Lái Thiêu	Bình Chánh
4	Bưng Cầu	Bình Thố
5	An Phú	Bình Thố

¹³ *Annuaire de la Cochinchine pour l'année 1888*. Saigon Imprimerie colonial, 1888, trang 508

¹⁴ *Annuaire general commercial, administratif & Industriel de l' Indo-chine 1901*.FH

Shneider, Imprimeur Editeur, tập 2, trang 793-796

6	Ông- trao (chợ Ông Trảo ?)	Bình Thố
7	Tổng- don (chợ Tổng Đơn ?)	Bình Thiện
8	Tổng-thu (chợ Tổng Thu ?)	Bình Thiện
9	Bến Cát	Bình Hưng
10	Chơn Thành	Bình Hưng

Sau đó Baurac tiếp tục ghi chép về các trung tâm dân cư của vùng:

Thành phố Thủ Dầu Một

Nằm bên bờ trái của sông Sài Gòn, cách Sài Gòn 22 dặm đường sông và 33 cây số đường bộ. Thủ Dầu Một là một trong những địa điểm đẹp nhất của Nam Kỳ. Các tòa nhà dinh Thanh tra được dựng lên trên một ngọn đồi nhỏ nhìn ra sông, được bao quanh bởi những cây lớn, làm cho nó trở thành một nơi cư trú duyên dáng. Ngoài một viên Thanh tra về các vấn đề bản xứ, người có 80 dân quân người An Nam dưới quyền, các nhân viên người Âu ở đây bao gồm: 1 trợ lý của viên Thanh tra, 1 kế toán viên, 1 người thu thuế, 4 kiểm lâm viên, 1 giáo viên kiêm giám đốc trường học, 1 giám đốc công trình công cộng, 1 nhân viên hải quan và kiểm soát viên, 1 nhân viên bưu chính và điện báo.

Một đại đội vũ trang lính bản xứ An Nam dưới quyền chỉ huy của một đại úy thủy quân lục chiến chịu trách nhiệm an ninh cho các hạt Biên-hòa, Thủ Dầu Một và Bà-ri-a. Đơn vị ở Thủ Dầu Một thường được giao cho một trung úy chỉ huy. Thành phố này không có vị trí chiến lược quan trọng; nó có thể dễ dàng được bảo vệ với các phương tiện tiếp viện theo đường sông Sài Gòn mà nó án ngữ, cũng như theo các con đường đến từ Cam pu chia, Biên Hòa và Sài Gòn.

Chợ Thủ Dầu Một nằm trên một quảng trường rộng lớn, được xây bằng gạch, cách sông Sài Gòn không xa; nó rất lớn và có khá đông người bản xứ đến mua bán hàng ngày. Nó được bao quanh bởi những dãy phố xinh đẹp của người An Nam và người Hoa với các cửa hiệu mà người ta chú ý là có rất nhiều hàng hóa.

Ngôi Nhà Việc (công sở-Maison commune), nằm trong khoảnh đất rộng nối dài đến chợ khá hoàn hảo và thanh lịch về mặt kiến trúc xây dựng. Gần đó, có tòa nhà Mont-de-Piété (hiệu cầm đồ) cũng rất đẹp.

Có nhiều con đường chạy trong thành phố theo mọi hướng; chúng được quy hoạch bài bản và khá sạch sẽ.

Một tàu hơi nước (Chaloup à vapeur) làm dịch vụ đưa đón khách đi lại hai lần một ngày giữa Thủ Dầu Một và Sài Gòn. Tương tự, đi lại giữa Biên-hòa và Thủ Dầu Một cũng có một xe khách công cộng chạy 2 chuyến trong ngày. Ngay sau khi các đường giao thông giữa Gia Định và Tây Ninh hoàn thành, hạt Thủ Dầu Một sẽ được kết nối bằng đường bộ với các địa phương láng giềng.

Nơi đây có một nhà thờ được phục vụ bởi một nhà truyền giáo Pháp và một trường học cấp toàn hạt.

Về mặt thương mại, Thủ Dầu Một có danh tiếng nổi bật về lâm sản; Các loài gỗ được tìm kiếm nhiều nhất là: cẩm-xe, Cẩm-lai, sao, gổ và trắc. Ông A. Henry, công chức hạng nhất phụ trách thanh tra các vấn đề bản xứ của hạt đã từng nghiên cứu, có nhiều hiểu biết và kinh nghiệm về các loại gỗ khác nhau ở Nam Kỳ¹⁵. Vì lâm nghiệp hầu như không phải là chuyên môn của chúng tôi và kiến thức của chúng tôi về đó cũng rất hạn chế nên chúng tôi sẽ sử dụng các nghiên cứu của ông Henry để mô tả năm loài gỗ mà chúng tôi vừa nêu trên.

Có lẽ Baurac đã quan tâm đến nguồn gỗ có giá trị thương mại của Thủ Dầu Một vì ông ta nhận thấy ngành khai thác, chế biến và kinh doanh gỗ ở Thủ Dầu Một hoạt động khá sinh động với nhiều trại ván, trại mộc, trại đóng thuyền, cả ở Thủ Dầu Một và Lái Thiêu đương thời. Tiếc rằng, ông lại chẳng có dòng ghi chép nào về hoạt động này. Thay vào đó Baurac lại trích dẫn sách của A. Henry miêu tả các loại gỗ quý Nam Kỳ dài suốt mấy trang sách. Sau đó ông mới tạm dừng để quay lại ghi chép về đình Bà Lụa và mộ bà họ Quới.

Đình Bà Lụa

Cách chợ Thủ Dầu Một khoảng 3 km, được xây dựng vào năm 1890; diện tích của nó là 500 mét vuông. Việc xây dựng ngôi đình này cần cả năm. Đình thờ vị thần bảo vệ làng Phú Cường (nơi có chợ và lỵ sở Thủ Dầu Một) được gọi là Phú Cường linh thần và được vua An Nam sắc phong là Thành hoàng Phú Cường. Hai nghi lễ được tổ chức ở đó mỗi năm, một diễn ra vào ngày 15 tháng 1, một vào ngày 15 tháng Mười. Buổi lễ đầu tiên, được thực hiện để vinh danh ơn đức Thành hoàng, được gọi lễ Kỳ-Yên (lễ cầu sự an lành), lễ thứ hai được gọi là Thu-tế (lễ của tháng trăng đẹp).

Vị thần được thờ ở đình Bà Lụa được tôn vinh là Thành hoàng. Ông là người được tôn vinh nhất. Bàn thờ của ông được đặt ở giữa. Bên phải và bên trái là hai bàn thờ nhỏ dành cho các thuộc hạ của vị thần này. Mỗi buổi lễ lớn kéo dài một ngày một đêm. Tất cả những kỳ lão và hương chức lớn nhỏ của làng cùng tề tựu trong trang phục nghiêm chỉnh và đến cúi đầu bái lạy trước vị thần, người bảo vệ của họ.

Một chiếc hộp hình trụ luôn được đặt trước bàn thờ chính với một trong hai cửa hộp được đóng lại, trong đó người ta đặt một trăm thanh nan nhỏ hình phẳng. Mỗi thanh nan đều có viết các ký tự Trung Quốc. Bất cứ ai muốn biết tương lai của mình đều đến quỳ trước bàn thờ này để thì thầm khấn vái những gì họ muốn. Người đó sẽ ngẫu nhiên lấy ra một trong những thanh nan phép này và sau khi biết những gì được chứa trên đó, anh ta lấy một bản sao trên một tờ giấy, sau đó đi đưa nó cho một thầy pháp biết chữ Trung Quốc để ông này dịch và giải thích nội dung các dòng chữ trong bản sao tờ giấy.¹⁶

¹⁵ Baurac muốn nhắc đến cuốn sách *Những chỉ dẫn kỹ thuật về giá trị của các loại gỗ ở nam Kỳ* của A. Henry, *Renseignements techniques sur la valeur relative des différentes essences de bois de la Cochinchine*. Imprimerie Rey et Curiol, Sigon 1891

¹⁶ Đây có thể là tục xin xăm khá phổ biến trong các nơi thờ cúng linh thiêng ngày xưa. Các thanh nan hình phẳng trong hộp chính là thẻ xăm còn các bản sao viết chữ Hán là lá xăm ?

Cư dân của Phú Cường có niềm tin vô hạn vào vị thần của đình Bà Lua. Bất cứ khi nào họ muốn thực hiện công việc làm ăn lớn, nhỏ, họ đều đến khấn vái cầu xin thần giúp đỡ và bảo vệ. Những người thợ khai thác gỗ sẽ không bao giờ lên đường vào chặt gỗ trong rừng mà không đến cầu khấn với thần và hứa sẽ cúng tế thần long trọng với các vật phẩm như lợn, gà, trứng chuối, cam...để công việc làm ăn thắng lợi. Khi trở về từ rừng, nếu bè gỗ được bán tốt, họ luôn giữ lời hứa.

Không còn nghi ngờ gì nữa, những người buôn gỗ ở Thủ Dầu Một đã rất hào phóng hiến tặng nhiều gỗ quý để làm những bàn thờ chạm khắc và mạ vàng tráng lệ có thể nhìn thấy ở đình Bà Lua.

Ngôi mộ của Bá hộ Quới

Nằm gần dinh của ngài Thanh tra Chánh Tham biện, không phải có niên đại từ năm 1853 như người bản xứ địa phương đã nói với chúng tôi, mà sẽ lùi lại thời điểm xa hơn nhiều, nếu như chúng ta tham khảo ý kiến của ông L. Jammes, người có những thông tin khác về ngôi mộ, có thể tóm tắt như sau:

"Có," ông ta nói, "Ở Thủ Dầu Một, ngay bên cạnh dinh Chánh Tham biện có một ngôi mộ cổ với bia mộ khắc nhiều chữ Trung Quốc. Ngôi mộ này đã có từ một trăm hai mươi năm trước, nơi chôn cất một quan chức lớn của vương quốc, người lãnh lệnh tạm thời cai quản một tỉnh nổi loạn. Các tài liệu ghi chép mà tôi có trong tay cho biết đã có một đám tang long lầy đã được cử hành và rằng một ngôi mộ tráng lệ đã được xây dựng cho ông ta theo lệnh của nhà vua.

"Phần hạ tầng bên trong ngôi mộ này dường như đáng kể hơn nhiều so với tất cả những gì chúng ta thấy trên mặt đất. Trong gian chính của hầm mộ, quan tài được đặt bên cạnh bàn thờ tổ tiên; bên phải và bên trái và trong hai phòng trưng bày liền kề, chưa đầy những đồ vật thân yêu của người đã khuất khi ông còn sống. Một gian lớn, theo sau hầm mộ, chứa ba tháng thực phẩm dành cho hai người Mọi hầu cận để bảo vệ hài cốt của viên quan, họ sẽ chết dần khi cạn kiệt thực phẩm. Các tư liệu ghi chép thậm chí còn đề cập đến một danh sách các vật phẩm cúng tế được gửi trong hầm mộ.

"Ngoài một vài xung gạo và cá khô, hai người không may có ba tháng nhiên liệu thấp sáng là ba lọ dầu dừa khổng lồ.

"Một lỗ nhỏ, được tạo ra phía trên vòm mộ, cho phép không khí tự làm mới và cũng là lỗ thoát các làn khói mỏng từ ngọn đèn leo lét bên trong hầm mộ, bằng chứng cho thấy hai người Mọi canh mộ vẫn còn sống. Hai người Mọi này đã bị bắt bởi những người lính của Thủ Dầu Một trong một lần đột nhập lên lãnh thổ của họ, để trừng phạt họ vì nhiều vụ phá hoại ở biên giới An Nam. Do đó, họ được chôn sống trong ngôi mộ tang tóc này, và phiến đá nặng nề đã đóng kín cửa hầm che khuất tia nắng cuối cùng của họ mãi mãi. Họ đã sống, người ta nói, hơn năm tháng trong nhà tù khủng khiếp này và khi những người đứng đầu làng không còn nhìn thấy làn khói nhợt nhạt tỏa ra từ lỗ nhỏ,

họ đã vội vàng bít chặt nó, ngăn chặn sự liên lạc cuối cùng của người hầu bị chôn sống với không khí bên ngoài.

"Biên niên sử của người An Nam cho rằng các vị chức sắc lớn của thời trước đã áp dụng phong tục man rợ là giữ một nô lệ trẻ em bên cạnh hài cốt của mình trong hầm mộ. Còn thông thường, người hầu canh giữ mộ thường là một cô gái còn trinh được xác minh bởi hai người phụ nữ đứng đắn ở địa phương. Giống như hai người Mọi khốn khổ ở trên, những người hầu mộ tội nghiệp bị chôn sống trong hầm mộ của quan lớn có ba tháng thức ăn theo truyền thống. "Có vẻ như, vùng Gò Vấp bên cạnh cũng có ngôi mộ của một vị quan lớn của đế chế, chôn sống hai cô gái trẻ làm người giữ mộ.

Ở Thủ Dầu Một, sự mê tín đã thêm thắt vào ngôi mộ Bá hộ Quới một loạt những câu chuyện ly kỳ. Những người phụ nữ lớn tuổi trong làng cho rằng hai hầu cận người Mọi đã không chết và đôi khi, những tiếng rên rỉ, phát ra từ sâu thẳm, được nghe thấy trong đêm tối. "

Tiếc rằng, Baurac không cho ta biết ông L. Jammes là ai nhưng lại trích dẫn khá nhiều ý kiến của ông này khi ghi chép về mộ Bá hộ Quới. Đọc kỹ những ghi chép ta thấy cả hai, Baurac và L. Jammes đều không có hiểu biết gì nhiều về mộ Bá hộ Quới, chỉ toàn là nghe người bản xứ kể lại rồi thêm thắt cho sinh động, có phần ma quái một chút, khi ghi chép về ngôi mộ này. Cuộc khai quật mộ Bá hộ Quới những năm sau năm 1975 (rất khó khăn vì sự bền chắc, cứng rắn của ngôi mộ), cho thấy ngôi mộ cổ này vẫn còn nguyên. Vậy thì những miêu tả bên trong hầm mộ của L. Jammes, với nào là lương thực dự trữ cho người hầu giữ mộ, những chum dầu với ngọn đèn leo lét.. chỉ là trí tưởng tượng và tiêu xảo kể chuyện rùng rợn, ma quái mà thôi. Thể loại văn du ký đương thời mà Baurac sử dụng để ghi chép ở đây thường hay chuộng lồi kể chuyện này.

Búng

Chợ Búng, trên đường từ Thủ Dầu Một đi Sài Gòn, cách lỵ sở (Phủ Cường) khoảng 6 km; phải mất gần một giờ, bằng xe hơi, để thực hiện cuộc hành trình đi suốt (về Sài Gòn). Dọc theo tuyến đường, chỉ có vườn cây ăn quả các loại: măng cụt, xoài, vải thiều, cau, dừa, v.v. Búng và Lái-Thiêu là nơi cung cấp trái cây cho Sài Gòn với tất cả các loại trái cây tốt nhất mà chúng ta thường biết.

Phong cảnh thật sự rất đẹp trên đường từ Thủ Dầu Một đến Búng. Ở mọi nơi, khắp hai bên đường, bạn chỉ có thể thấy thảm thực vật tươi tốt. Các nhà ở của người An Nam không cách nhau xa và cũng không xa mặt đường; chúng thường ở giữa những khu vườn nên tạo được ấn tượng đẹp mắt. Nếu thực hiện chuyến đi vào buổi sáng, từ 6 đến 7 giờ, chúng ta sẽ ngạc nhiên khi thấy nhiều người dân bản xứ đi chợ với những giỏ đựng đầy trái cây và rau quả. Một số người bán xoài, những người khác có măng cụt, những quả dừa, những quả dưa chuột và ớt. Tất cả họ cùng bước đi nhanh nhẩu với đôi quang gánh trên vai.

Một số cây cầu bắc qua các con rạch nằm giữa Thủ Dầu Một và Búng, hầu như luôn đông đúc những thương lái đến đây chuyên chở trái cây hoặc những người cung cấp hàng hóa cho du khách hay chờ đợi các chủ ghe xuồng đang đậu kín dưới chân cầu quyết định lấy một lượng nhỏ xoài hoặc măng cụt dành cho thị trường Sài Gòn. Trong mùa xoài và măng cụt, con đường đầy người An Nam. Măng cụt, đặc biệt, đến thị trường với số lượng vô số.

Cây măng cụt là một cây đẹp với lá dày, chắc mịn, hình bầu dục. Hoa nở ở cuối cành, có cuống, màu đỏ.... Loại cây trái này đến từ quần đảo Moluccas. Trái của nó ăn được và là một trong những quả ngon nhất của vùng nhiệt đới. Đó là một quả tròn, có kích thước bằng quả cam, bên ngoài màu vàng xanh. Các lớp vỏ của nó dày, xơ chặt, cứng chắc, thường bỏ đi; nhưng bên trong là các ngăn chứa những hạt nhỏ được bọc bằng một lớp cơm màu trắng trong suốt, vị ngọt và thơm, hương vị tinh tế và ngon tuyệt.

Búng là một địa phương quyến rũ. Ngôi chợ rộng và xây bằng gạch; gần đó là tòa nhà việc (công sở), kiểu dáng kiến trúc hoàn mỹ. Một trường học cấp tổng mới được lập, nằm đối diện khu chợ; một nhà thờ khá lớn, được phục vụ bởi một nhà truyền giáo người Pháp, nổi bật ở Búng bởi vị trí của nó. Người Công giáo đi lễ ở nhà thờ này khá đông.

Búng cũng có một lò gốm sản xuất các hàng gia dụng thường dùng của người An Nam. Ngoài ra còn có một ngôi chùa khá đẹp, một lò mổ, một nhà máy chưng cất rượu gạo, v.v.

Dân số của trung tâm này là 970 cư dân, hầu hết là người An Nam.

Baurac đến vùng đất Búng trước năm 1899 ít lâu, khi mà chế độ thuộc địa đã được thiết lập vững chắc. Cảnh quan mà Baurac miêu tả cho thấy ở Búng vẫn hiện hữu các vườn cây ăn trái sum suê bao bọc chung quanh, nhà thờ công giáo đang hoạt động khởi sắc trong yên bình và lò gốm duy nhất ở Búng vẫn cặm cụi cho ra lò các loại vật dụng gốm. Đó là những cảnh vật truyền thống xưa cũ của Búng. Chỉ có hai cảnh vật mới được Baurac phát hiện ở đây: một lò mổ gia súc và một nhà máy chưng cất rượu. Lò mổ cho thấy quy mô tiêu thụ thực phẩm thịt tươi sống của cư dân chợ Búng không nhỏ và việc chăn nuôi nông hộ trong dân chúng khu vực là đáng kể. Bên cạnh đó, sự xuất hiện của nhà máy chưng cất rượu gạo là dấu ấn của chế độ thực dân ở địa phương. Các lò rượu thủ công ở các xóm ấp có lẽ đã bị dẹp, hay phải hoạt động lén lút, thay vào đó là nhà máy rượu có phép của nhà nước. Chi tiết này phần nào nói lên tính chất sinh hoạt xã hội của đương thời, nhà nước thuộc địa không cấm dân uống rượu mà còn công nghiệp hóa việc sản xuất rượu cho dân uống...

Lái Thiêu

Cách Búng 5 km, cũng nằm trên đường Thủ Dầu Một đi Sài Gòn. Lái Thiêu là trung tâm quan trọng nhất của hạt tham biện Thủ Dầu Một. Nếu chợ Búng rất quen thuộc với người An Nam, thì với Lái Thiêu, có dân số đông hơn đáng kể (có 444 đăng ký)

¹⁷, cho ta thấy nhiều sinh hoạt sống động hơn. Đây là trung tâm cung cấp nhiều trái cây nhất trong tất cả các tỉnh miền Đông.

Các phương tiện đi lại với Sài Gòn là rất thuận lợi và do đó, cho phép giao dịch thương mại phát triển mạnh mẽ.

Tàu hơi nước (*chaloupe à vapeur*) dừng ghé Lái-thiêu và vận chuyển hàng ngày một số lượng lớn khách là người du lịch, thương gia, nhà đầu tư hoặc các hành khách khác, làm tăng thêm sự năng động của khu chợ lớn này. Nơi đây có nhiều lò đường lớn do người An Nam làm chủ, một ngôi nhà việc(công sở) bẽ thế, nhiều cửa hàng của người Hoa, một cửa hàng thuốc phiện¹⁸ dưới sự giám sát của một nhân viên quản kho, một nhà máy chưng cất rượu gạo, một trường học cấp tổng v.v. ., v.v.

Chợ Lái Thiêu, nằm trên một quảng trường rộng lớn, được xây bằng gạch và chia thành hai dãy nhà phố lớn, ở giữa có hai cây cây dầu to cao, trên 50 tuổi.

Nếu bạn đi đường sông bằng thuyền đến Thủ Dầu Một từ Lái Thiêu, hành trình có thể mất 1 giờ, đến Saigon, mất khoảng 2 giờ.

Các pháo hạm vũ trang¹⁹ không chỉ theo đường sông đi đến Lái Thiêu, mà còn xa hơn, qua Thủ Dầu Một, lên tới Bến Súc.

Những ghi chép của Baurac cho thấy cảnh quan ở Lái Thiêu có những nét chấm phá khá ấn tượng. Lái Thiêu giao lưu với các vùng thuận lợi cả bằng đường bộ và đường sông. Chiếc xà lúp-thuyền chạy bằng máy hơi nước bắt đầu khai thác đường sông Sài Gòn từ những năm 1870. Còn đường bộ có quốc lộ 13 đã hình thành từ những năm 1880. Các ghi chép đều khẳng định vị trí quan trọng về kinh tế của Lái Thiêu, nhất là về khả năng cung ứng trái cây cho toàn vùng. Có lẽ ấn tượng nhất là chi tiết về những lò đường của người Việt, các sản phẩm gồm theo dòng gồm Cây mai Sài Gòn, các dãy phố và cửa hàng của người Hoa, căn nhà việc lớn nhất vùng (theo chuẩn cấp tổng lý) và trường học cấp tổng... Nhưng đặc biệt đáng lưu ý nhất là nhà máy rượu (vẫn như ở Búng) và nhất là cửa hàng thuốc phiện. Cảnh quan này tiếp tục cho thấy dấu ấn thực dân rất rõ. Người Pháp “khai hóa” Nam Kỳ cả bằng rượu cồn và thuốc phiện. Riêng chi tiết về hai cây dầu ở giữa quảng trường chợ Lái Thiêu có tuổi hơn 50 năm, được ghi chép như một nét chấm phá riêng của bức tranh phong cảnh chợ Lái Thiêu. Theo nhiều người dân Lái Thiêu cổ cưu, hai cây dầu này đến những năm 1940 vẫn còn sống.

¹⁷ Điều đó có nghĩa là dân số chung (population) khu vực chợ Lái Thiêu đông hơn số người đăng ký (inscrits) trên, ước khoảng hơn 2.000 người.

¹⁸ Baurac dùng từ *ferme d'opium* nguyên nghĩa là trại trồng cây thuốc phiện. Nhưng không thể có một trại trồng thuốc phiện giữa chợ Lái Thiêu, nên đã tạm dịch thành cửa hàng thuốc phiện. Trong chính sách thực dân, thuốc phiện và rượu là hai mặt hàng nhà nước tổ chức kinh doanh để thu lợi cho ngân sách địa phương. Chính điều này đã bị Nguyễn Ái Quốc phản ánh và phê phán trong *Bản án chế độ thực dân Pháp*.

¹⁹ Chính những pháo hạm vũ trang này, cuối năm 1861 đã theo đường sông đến tấn công đồn binh Thủ Dầu Một và đã nhanh chóng chiếm đóng huyện Bình An.

Tương Hiệp²⁰

Ở tổng Bình Thổ và được người An Nam biết đến dưới cái tên Bưng Cầu. Chợ Tương Hiệp, cách lỵ sở (Phủ Cường) khoảng 5 km, bằng đường bộ, là một chợ khá quan trọng, mặc dù khu vực chung quanh của tổng này không phong phú về ngũ cốc. Vùng đất ở đây hầu như không thích hợp để trồng khoai tây, khoai mỡ, đậu phộng, ngô, mía, v.v.

Dân số của trung tâm này ước tính khoảng 300 người. Chợ không có gì đặc biệt và ngôi nhà việc cũng rất đơn giản. Tương Hiệp có một ngôi chùa, một trường học cấp tổng. Một vài cửa hàng mà bạn có thể nhìn thấy gần chợ khá là nhếch nhác; nó thuộc về người Trung Quốc.

Nhìn chung, điểm đáng lưu ý của chợ Tương Hiệp là nơi đây thường xuyên tập kết các đàn trâu, bò đến từ Lào. Đối diện Tương Hiệp là những ngọn đồi thấp nổi lên giữa vùng bằng phẳng chung quanh, nơi các chủ lái trâu, bò cảm thấy ít nhiều an tâm, bởi vì họ có thể trông giữ liên tục đàn gia súc của họ; do đó họ an toàn trước nhiều băng nhóm trộm cắp gia súc trong vùng.

Những người lái buôn trâu, bò người Lào cắm trại giữa bầy gia súc của họ, chờ đợi những thương lái ở Thủ Dầu Một và các vùng chung quanh đến để thương thảo, chọn lựa bầy gia súc. Từ khi con đường từ Kratié được nối đến Thủ Dầu Một, có một số đàn bò và trâu, thậm chí cả ngựa được các lái buôn đưa đến đây mỗi năm; những con vật này đến từ Bassac và Stung-treng.

Đọc các ghi chép của Baurac về chợ Tương Hiệp ta có sự bất ngờ thú vị về một chợ mua bán trâu bò, và ngựa có quy mô lớn ở đây. Những chợ gia súc như thế thường chỉ có ở vùng gần biên giới như các chợ tương tự ở Tây Ninh hay các địa phương miền tây.

Bến Súc

Bên tả ngạn sông Sài Gòn và cách Thủ Dầu Một 3 giờ về phía thượng lưu, là chợ Bến Súc, thuộc tổng Bình Thạnh Thượng.

Đi thuyền là thú vị nhá. Qua khỏi vàm sông Thị Tính, phong cảnh bên bờ hoàn toàn thay đổi: không còn là những bãi bùn lầy lội đầy những lùm bụi cây dại đơn điệu mà là một vùng bờ cát mấp mô với nhiều cây rừng cao lớn, hình thành những tán cây xanh phủ mát mặt đất, gợi nhớ một chút về nước Pháp. Đó là khu rừng trong tất cả sự huy hoàng của nó. Càng đi lên phía trên, dòng sông dần dần thu hẹp, phong cảnh càng đẹp hơn.

Từ lỵ sở hạt (Phủ Cường) đến Bến Súc sẽ qua khá nhiều ngôi làng, tất cả đều nằm ở bờ trái, bởi vì những làng nằm ở bờ phải thuộc lãnh thổ của Gia-dinh; do đó, chúng tôi sẽ chỉ trích dẫn các làng trong hạt Thủ Dầu Một, cũng như các rạch lớn nhỏ gần liền. Đó là các làng An Điền, An Phú, Phú Thuận, An Thuận, An Thành Thôn, An Thành Tây,

²⁰ Nay là Tương Bình Hiệp, thường gọi là chợ Bưng Cầu

Thanh Điền. Các rạch liên quan có ít hơn: rạch Trầu, rạch Ông Man²¹, rạch Cầu, rạch Thị Tính.

Bến Súc là một chợ khá rộng nhưng về ngoài rất tầm thường, một ngôi nhà việc(công sở) khá đơn sơ, một ngôi trường cấp tổng được xây bằng gạch, nhưng có một ngôi chùa rất đẹp.

Trung tâm này đặc biệt nổi tiếng về buôn bán gỗ. Công nghiệp gần như không có gì ngoài mấy điểm sản xuất các ngọn đuốc nhựa. Đây là vùng thích hợp cho săn bắn; người ta gặp ở đây tất cả các loại động vật lớn, thậm chí cả hổ.

Từ Bến Súc trở lên đầu ầu của gỗ quý Thủ Dầu Một luôn thu hút các ghi chép của Baurac. Kể đó là thú vui săn bắn của các quan chức thực dân, ghi chép về Bến Cát của Baurac khá chi tiết về đặc điểm này.

Bến Cát

Trên đường từ Thủ Dầu Một đến Thị Tính và cách ly sở hạt (Phủ Cường) khoảng 30 km, bằng đường bộ, có thể nói chợ Bến Cát là một trung tâm dân cư ở giữa rừng. Tầm quan trọng của nó về thương mại chỉ tương đối, nhưng phải nói rằng vị trí địa lý của nó đáng để xem xét. Trên thực tế, đây là điểm trung chuyển của con đường Thị Tính đi Kra-tiê (Kam pu chia).

Có năm làng dọc theo đường từ Thủ Dầu Một đến Bến cát: Tương An, Cầu Định, Vĩnh Xương, Thạnh Hòa và Mỹ Thạnh.

Cũng có thể đến Bến Cát bằng đường sông, ta phải đi ngược dòng sông Sài Gòn rẽ vào sông Thị Tính, dẫn thẳng đến Bến Cát. Đường đi có thể được hoàn thành trong vòng chưa đầy hai giờ.

Chợ Bến Cát có không gian khá rộng; nó được xây dựng bằng gạch. Ngôi nhà việc(công sở), nằm tách biệt với chợ bởi một con đường đất, tạo một diện mạo khá, đẹp; nó nằm ngay bên cạnh nhà bưu điện và điện báo, có một nhân viên người An Nam túc trực làm việc. Bến Cát cũng có một trường học cấp tổng, vốn nơi này trước đây là dãy nhà làm việc của nhân viên kiểm lâm.

Nơi ở của viên Cai tổng cách chợ một cây số. Đó là một ngôi nhà rất đẹp, với dàn cột to bằng gỗ quý hiếm. Viên Cai tổng Nguyễn-văn-Thân là một người giàu có, thân thuộc với người châu Âu và được đồng bào đánh giá cao. Người Pháp tham gia săn bắn sẽ tìm thấy ở anh một người bạn đồng hành thân thiện, luôn sẵn lòng làm hài lòng. Chính anh ta, một thợ săn kiệt xuất, rất sành sỏi nghệ thuật săn bắn và anh ta cũng tự hào về danh tiếng đó. Một vài con voi đã bị hạ dưới vũ khí ghê gớm của anh ta, nhưng người

²¹ Chưa rõ là rạch nào. Baurac ghi là rạch Ông-màn,

Cai tổng này không phải lúc nào cũng tuân thủ các quy tắc thận trọng để hạ gục những con thú da dày khổng lồ này.

Con voi cuối cùng mà anh ta giết, trong sự hiện diện của chúng tôi, vào tháng 6 năm 1895, cung cấp cho chúng tôi bằng chứng về sự gan lì, liều lĩnh của anh ta. Sau khi nạp đạn khẩu súng trường Lefauchaux 16 li của mình, anh ta đưa vào một trong những nòng súng một thanh gỗ dài dễ cháy có gắn mũi tên tẩm độc và khai hỏa nhắm vào một con voi to lớn ở khoảng cách 15 mét. Con vật bị thương nặng, cố chạy thêm chừng 800 mét rồi ngã xuống. Chúng tôi lưu ý với Thân rằng khẩu súng trường có thể bị vỡ nòng, anh ta lạnh lùng trả lời rằng anh ta luôn làm điều tương tự với con thú lớn.

Rất khó để biết người An Nam sử dụng chất liệu gì để tẩm độc mũi tên của họ. Đôi khi, chúng tôi đã cố gắng hỏi về chủ đề này, nhưng họ hầu như luôn trả lời mập mờ để che giấu bí mật của họ với chúng tôi.

Đây là những gì, theo Cai tổng Thân, là cách người An Nam pha chế chất độc, bởi vì người Campuchia, người Mọi, người Stieng và tất cả cư dân man rợ khác của rừng đều có cách riêng của mình:

Lấy trong rừng một loài dây leo được biết đến dưới cái tên Cây Vòi Voi. Không nên lấy các dây gần đường hoặc nhà bởi vì nước tiểu của người đàn ông hoặc của người phụ nữ sẽ làm nó mất hết chất độc. Cắt nó thành những miếng nhỏ cỡ bằng ngón tay và đặt chúng vào một cái thùng đựng thóc.

Cũng lấy trong rừng một loại dây leo khác có tên Dây Đỏ Đẻ, cắt nhỏ ra như trước đem đặt vào một cái bát lớn mà người An Nam gọi là Cái-tô.

Lấy một cái chậu chứa nước, ngâm trộn và ép lấy nước loại thuốc lá chất lượng vượt trội; thuốc lá Gò-vấp được sử dụng rộng rãi nhất.

Ba vật liệu này được đưa vào một nồi đất (Cái-trã) có chứa hai chum nước (Cái-tĩnh-nước).

Toàn bộ được đun sôi trong 12 giờ, cho đến khi sặc lại còn chừng một tách cà phê.

Chất độc đã được làm xong.

Để thử tính hiệu quả của thuốc độc, như người An Nam nói, lấy một con thằn lằn, cắt một khúc đuôi, rồi bôi chất độc lên chỗ bị cắt. Nếu sau một phần tư giờ, con vật chết, thì đó là do chất độc mạnh và hiệu nghiệm, có thể được sử dụng với tất cả các cơ hội thành công.

Bọc đầu mũi tên bằng một miếng bông dày rồi buộc chặt bằng vài vòng dây. Chất độc sau đó được đổ lên lớp bông bao quanh mũi tên, do đó nó được tẩm tốt vào đầu tên. Cẩn thận không chạm vào chất độc bằng tay của bạn; nên sử dụng một cái muỗng.

Một số chất độc pha chế bằng thực vật của người An Nam có tác động rất nhanh; nai, lợn rừng, bò rừng chết ngay khi bị trúng mũi tên tẩm độc.

Trong đoạn ghi chép của Baurac bóng dáng điển hình của một viên cai tổng người Việt đã xuất hiện với những nét cá tính chắc nịch và đậm chất rừng rú: nhà gỗ to lớn, giàu có, trung thành với chủ thực dân, gan góc, sấn sỏi trong nghệ thuật săn bắn. Đoạn miêu tả phép làm thuốc độc tẩm tên nhọn của Baurac sinh động và đầy ấn tượng.

Thị Tính

Có thể nói đồn Thị Tính gần như bị che khuất giữa rừng; nó nằm cách chợ Bến Cát khoảng 25 km. Phải mất không dưới 5 giờ, bằng xe bò, để thực hiện cuộc hành trình.

Xe bò ở các hạt miền Đông là phương tiện giao thông thực tế duy nhất. Mặc dù độ rung lắc của phương tiện này không phải lúc nào cũng êm ái nhưng với nệm rơm Campuchia, chiếu và chiếc gối nhỏ, chúng ta có thể thực hiện những chuyến đi dài xuyên qua rừng, trên những con đường mòn đầy đá mà không quá mệt mỏi. Bò đực tốt có thể kéo xe đi được 5 hoặc 6 km một giờ; nhược điểm duy nhất của xe bò là nó tạo ra tiếng ồn rất khó chịu, đó là do sự ma sát liên tục của trục gỗ với trục bánh xe. Tiếng kêu rít khó chịu, nhưng lâu dài, tai cũng quen với nó.

Xe trâu, với bánh xe đầy đủ, còn khó chịu hơn nhiều về mọi mặt, đặc biệt là sự chậm chạp mà những con vật này đi bộ.

Đồn Thị Tính không có chợ và ngôi nhà việc (công sở) chỉ là một căn nhà lá đơn sơ. Điểm đáng chú ý nhất là chỗ ở của viên Kiểm lâm người Âu, trước đây từng là một pháo đài có đơn vị quân đội bản xứ trú đóng. Đó là vì trước đây Thị-tính đã luôn là vùng có nhiều nhóm phiến quân nổi dậy chống phá.

Thị Tính lưu dấu một số sự kiện lịch sử:

- Cuộc tấn công chiếm đóng Thị Tính và giải tán, đẩy lùi phiến quân về phía Bắc, ngày 8 tháng 11 năm 1868;

- Cuộc tấn công chinh phục ngày 6 tháng 4 năm 1870, chống lại người Stieng.

Qua ghi chép của Baurac gợi lại một giai đoạn lịch sử đau thương và bi hùng của người dân miền Đông nam Kỳ: anh dũng chống xâm lược, thất bại phải rút về rừng núi phía bắc, phối hợp cùng chiến đấu gian khổ với nghĩa quân người dân tộc, rồi lại tiếp tục thất bại trước vũ khí hiện đại của kẻ thù thực dân. Thị Tính là địa điểm ghi dấu giai đoạn lịch sử hào hùng đó. Khi Baurac đến, Thị Tính chỉ còn là dấu tích của một căn cứ quân sự đã suy tàn, trở thành một trạm kiểm lâm của thực dân.

Chơn Thành

Khoảng cách giữa Bến Cát và Chơn Thành là 32 km. Việc đi lại thường được thực hiện bằng xe bò. Con đường rộng và trải nhựa khá tốt. Trong suốt chặng đường, phong cảnh khá quyến rũ. Ở đây, một dòng suối nhỏ nước trong vắt chảy róc rách, ở đó, gà trống và gà mái bơi lội trong thung lũng, giữa một khoảng trống; ở một số nơi, một con man (hươu) trốn trong rừng, ở một số nơi khác, hai hoặc ba con công bước ra từ bụi cây đi dọc theo bờ rừng; hàng đàn chim gáy, chim sâu, chim bồ câu xanh, vẹt đuôi dài đang

nô đùa dưới ánh mặt trời hoặc nô đùa trên ngọn cây cao. Một vài túp nhà của người An Nam trên đồi dưới những hàng cây cao lớn, mọi thứ, nhìn chung, thực sự đẹp và du khách không thể không cảm thấy một ấn tượng dễ chịu khi đi từ Bến Cát đến Chơn Thành. Và với tất cả điều này, nếu chúng ta để ý thêm các sườn dốc liền nhau soi nắng mặt trời, ngắm thăm thực vật tươi tốt, nghe hương thơm ngọt ngào, lan tỏa của các loại hoa cỏ, trong ta dâng trào một cảm xúc lâng lâng, nhẹ nhàng khi đi qua các khu vực này.

Đồn Chơn Thành nằm giữa một khoảng trống rộng lớn, được bao quanh bởi những cánh rừng rất dày. Ở đó có một pháo đài với một đội lính cơ động người An nam do một trung sĩ người Pháp chỉ huy, một ngôi nhà việc (công sở) nhỏ nhưng lộng lẫy và nhà của một nhân viên kiểm lâm.

Trung tâm này khá quan trọng về vị trí địa lý. Trên thực tế, nó án ngữ con đường từ Thủ Dầu Một đi Kratié, tương tự như đồn Hón Quản cũng nằm trên đường đi về hướng trên, cách 25 km, trong vùng của người Mọi. Nhân viên kiểm lâm có vai trò cần thiết và quan trọng ở đây, nơi rất nhiều gỗ và cũng là nơi gỗ được cất hạ quy mô lớn.

Đồn Hón Quản cũng giữ chức năng canh giữ biên giới và theo dõi các nhóm người Mọi sinh sống bằng nương rẫy trong vùng.

Baurac tiếp tục những ghi chép khá dài về đồn binh Hón Quản và vùng đất của những người Mọi ở phía Bắc Thủ Dầu Một. Đây sẽ là nội dung của bài viết khác trong một dịp khác.

Nhìn chung, qua các ghi chép của Baurac, hình ảnh vùng đất con người Thủ Dầu Một đương thời xuất hiện khá sinh động. Nó cho thấy chế độ thực dân đã thiết lập khá vững chắc ngay cả ở cấp cơ sở có các thiết chế như: Ngôi nhà việc (hành chánh), trường học hàng tổng (giáo dục), chùa, nhà thờ (tín ngưỡng), nhà dây thép, đường sá giao thông đường bộ, đường thủy cơ sở hạ tầng)... cả chợ búa, cửa hàng, nhà máy rượu, cửa hàng thuốc phiện, nhà đoan... Kinh tế xã hội đã chuyển biến khác trước với sự xuất hiện các đô thị thực dân sơ kỳ, nơi hình thành lối sống đô thị ban đầu. Hai sản phẩm đặc trưng cũng được nhấn mạnh: trái cây ở phía nam và gỗ quý ở phía bắc. Các ghi chép cũng gợi ý với ta hai nét văn hóa chính của Thủ Dầu Một xưa: *văn hóa miệt vườn* với hương vị trái cây thơm ngon, chất dịu dàng, thanh lịch của con người; và *văn hóa miệt rừng* với các loại gỗ quý, thú vui săn bắn và tính cách chắc nịch, gan lì, sành sỏi, thân thuộc với rừng của cư dân địa phương.

Ta nên có lời cảm ơn bác sĩ Baurac đã để lại cho ta những dòng ghi chép đáng trân trọng, có thể giúp ta hiểu sâu sắc thêm vùng đất và con người đất Thủ./.